

Quảng Bình, ngày tháng ... năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

(*Tên tiếng Anh: VIETNAM CRIMINAL PROCEDURE LAW*)

- Mã số học phần: LUTOTU.055

- Số tín chỉ: 03

Số giờ tín chỉ: 45 (*trong đó, lý thuyết: 30, bài tập: 15*)

- Ngành học: Luật

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Luật

Giảng viên phụ trách chính: Dương Thị Hồng Thuận

Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

1. ThS. Phùng Thị Loan

2. ThS. Nguyễn Hoàng Thủy

2. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã hoàn thành học phần: Luật hình sự Việt Nam 1, Luật hình sự Việt Nam 2.

3. Mục tiêu của học phần:

+ Về kiến thức

Cung cấp cho người học những vấn đề lý luận về tố tụng hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; những quy định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, giám đốc thẩm, tái thẩm. Môn học hướng tới cung cấp những kiến thức quan trọng nhằm giúp sinh viên am hiểu pháp luật tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của cử nhân Luật theo chuẩn đầu ra của ngành.

+ Về kỹ năng

Giúp người học có kỹ năng đánh giá, lý giải một cách khoa học các vấn đề liên quan đến tố tụng hình sự và pháp luật tố tụng hình sự.

+ Về thái độ

Giúp người học có thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề tố tụng hình sự; có ý thức tuyên truyền, phổ biến và giải thích pháp luật trong lĩnh vực tố tụng hình sự nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức
CDR1	Người học xác định được Luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam có đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh riêng; nắm vững nguồn của luật tố tụng hình sự và hiệu lực của Bộ luật Tố tụng hình sự.
CDR2	Nắm vững được nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự.
CDR3	Hiểu rõ các quy định của pháp luật về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng.
CDR4	Hiểu rõ các quy định của pháp luật về người tham gia tố tụng, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
CDR5	Nắm được cơ sở lý luận của chứng cứ và các quy định của pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự.
CDR6	Hiểu được các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự; nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến áp dụng, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế.
CDR7	Hiểu được khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của mỗi giai đoạn trong tố tụng hình sự
CDR8	Nắm được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến mỗi giai đoạn (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án) trong quá trình giải quyết vụ án hình sự như căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn,....
CDR9	Nắm được các quy định của pháp luật về xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.
	Về kỹ năng
CDR10	Hình thành và phát triển kỹ năng nhận diện vấn đề, phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề về pháp luật tố tụng hình sự.
CDR11	Kỹ năng sáng tạo, tư duy logic và giải quyết vấn đề; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tranh luận, phản biện, đặc biệt là kỹ năng tự học, tự nghiên cứu độc lập để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.
CDR12	Vận dụng được các kiến thức để giải quyết những tình huống cụ thể từ giả định hoặc thực tế trong tố tụng hình sự.
	Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)
CDR13	Hình thành tính chủ động tìm tòi học hỏi, tự nghiên cứu bổ sung và nâng

cao kiến thức liên quan đến pháp luật tố tụng hình sự; mạnh dạn bày tỏ ý kiến, quan điểm, cách giải quyết vấn đề; có thái độ đúng đắn, nghiêm túc đối với các vấn đề liên quan đến tố tụng hình sự.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Luật tố tụng hình sự Việt Nam được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về luật tố tụng hình sự Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái quát về luật tố tụng hình sự Việt Nam; nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự; biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác; trình tự khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự; giám đốc thẩm, tái thẩm. Qua đó, giúp người học cách nhìn nhận, đánh giá, xử lý các tình huống cụ thể trên thực tế.

6. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Khái quát về luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.1. Luật tố tụng hình sự - Một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

1.1.1. Khái niệm luật tố tụng hình sự

1.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

1.2. Nguồn của luật tố tụng hình sự

1.2.1. Khái niệm nguồn của luật tố tụng hình sự

1.2.2. Các loại nguồn của luật tố tụng hình sự

1.3. Hiệu lực của Bộ luật Tố tụng hình sự

1.3.1. Hiệu lực theo không gian

1.3.2. Hiệu lực theo thời gian

1.4. Luật tố tụng hình sự - Một ngành khoa học

Chương 2. Nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

2.1. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

2.2.1. Khái niệm và ý nghĩa

2.2.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

Chương 3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

3.1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

3.1.1. Cơ quan điều tra

3.1.2. Viện kiểm sát

3.1.3. Tòa án

3.2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng

3.2.1. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

3.2.2. Việc thay đổi người tiến hành tố tụng

Chương 4. Người tham gia tố tụng, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự

4.1. Người tham gia tố tụng

4.1.1. Những người tham gia tố tụng có quyền và nghĩa vụ pháp lý liên quan đến vụ án

4.1.2. Người tham gia tố tụng khác

4.2. Bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự

4.2.1. Bào chữa

4.2.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Chương 5. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự

5.1. Chứng cứ trong tố tụng hình sự

5.1.1. Cơ sở lý luận của chứng cứ

5.1.2. Khái niệm và các thuộc tính của chứng cứ

5.1.3. Phân loại chứng cứ

5.1.4. Nguồn chứng cứ

5.2. Chứng minh trong tố tụng hình sự

5.2.1. Đối tượng chứng minh

5.2.2. Quá trình chứng minh

Chương 6. Biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác

6.1. Biện pháp ngăn chặn

6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của biện pháp ngăn chặn

6.1.2. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn

6.1.3. Những biện pháp ngăn chặn cụ thể

6.1.4. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn

6.2. Biện pháp cưỡng chế khác

6.2.1. Khái niệm, ý nghĩa, căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế khác

6.2.2. Những biện pháp cưỡng chế cụ thể

6.2.3. Hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản

Chương 7. Khởi tố vụ án hình sự

7.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự

7.2. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

7.2.1. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra

7.2.2. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

7.2.3. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát

7.2.4. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử

7.3. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại

7.4. Căn cứ khởi tố vụ án hình sự

7.5. Trình tự khởi tố vụ án hình sự

7.6. Nhiệm vụ và quyền hạn của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Chương 8. Điều tra vụ án hình sự

8.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của điều tra vụ án hình sự

8.2. Những quy định chung về điều tra

8.2.1. Thẩm quyền điều tra

8.2.2. Chuyển vụ án, nhập hoặc tách vụ án hình sự để tiến hành điều tra, uỷ thác điều tra

8.2.3. Các loại thời hạn trong điều tra

8.3. Các hoạt động điều tra

8.3.1. Khởi tố bị can, hỏi cung bị can

8.3.2. Lấy lời khai của người tham gia tố tụng khác; đối chất và nhận dạng, nhận biết giọng nói

8.3.3. Khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật

8.3.4. Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra

8.3.5. Giám định và định giá tài sản

8.4. Tạm đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra và phục hồi điều tra

8.4.1. Tạm đình chỉ điều tra

8.4.2. Kết thúc điều tra

8.4.3. Phục hồi điều tra

8.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra

Chương 9. Truy tố

9.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố

9.2. Những quy định chung

9.3. Quyết định của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố

Chương 10. Xét xử sơ thẩm

10.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của xét xử sơ thẩm

10.2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm

10.2.1. Khái niệm thẩm quyền xét xử sơ thẩm

10.2.2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

10.3. Những quy định chung về xét xử vụ án hình sự và thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm

10.3.1. Những quy định chung về xét xử vụ án hình sự

10.3.2. Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm

10.4. Chuẩn bị xét xử

10.5. Trình tự xét xử vụ án tại phiên tòa

Chương 11. Xét xử phúc thẩm

11.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm

11.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

11.2.1. Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị

11.2.2. Chủ thể và phạm vi kháng cáo, kháng nghị

11.2.3. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị

11.3. Thủ tục xét xử phúc thẩm

11.3.1. Những quy định chung

11.3.2. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm

11.3.3. Thẩm quyền của hội đồng xét xử phúc thẩm

Chương 12. Thi hành bản án, quyết định của tòa án

12.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của thi hành bản án, quyết định của tòa án

12.1.1. Khái niệm

12.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa

12.2. Những quy định chung về thi hành bản án, quyết định của tòa án

12.2.1. Bản án, quyết định được thi hành

12.2.2. Thẩm quyền, thời hạn và thủ tục ra quyết định thi hành án

Chương 13. Xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật

13.1. Thủ tục giám đốc thẩm

13.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ

13.1.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

13.1.3. Xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm

13.2. Thủ tục tái thẩm

13.2.1. Khái niệm, nhiệm vụ

13.2.2. Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm

13.2.3. Xét xử theo thủ tục tái thẩm

13.2.4. Thẩm quyền của hội đồng tái thẩm

13.3. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao

7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác (*)
1	Khái quát về luật tố tụng hình sự Việt Nam	03	03				
2	Nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự	02	02				
3	Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng	04	02	02			
4	Người tham gia tố tụng, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự	03	02	01			
5	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự	04	03	01			
6	Biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác	05	03	02			
7	Khởi tố vụ án hình sự	03	02	01			

8	Điều tra vụ án hình sự	04	02	02			
9	Truy tố	03	02	01			
10	Xét xử sơ thẩm	04	02	02			
11	Xét xử phúc thẩm	03	02	01			
12	Thi hành bản án, quyết định của tòa án	03	02	01			
13	Xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật	04	03	01			

(*). Các hình thức tổ chức học tập khác như ngoại khóa, thuyết trình, ...

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13
1	x												x
2		x											x
3			x							x	x	x	x
4				x						x	x	x	x
5					x					x	x	x	x
6						x				x	x	x	x
7							x	x		x	x	x	x
8							x	x		x	x	x	x
9							x	x		x	x	x	x
10							x	x		x	x	x	x
11							x	x		x	x	x	x
12							x	x		x	x	x	x
13									x	x	x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy

Kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, trong đó chủ yếu là các phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình;
- Giải quyết vấn đề, xử lý tình huống;
- Giải đáp các loại bài tập và các thắc mắc liên quan đến kiến thức môn học;

- Chỉ dẫn khai thác nguồn tài liệu.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Để hoàn thành học phần sinh viên cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.
- Làm bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên) (2018), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Hoà Bình (Chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Phạm Thanh Bình (1993), *Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam đúng pháp luật*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Trần Văn Biên - Đinh Thế Hưng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Thế giới, TP. Hồ Chí Minh.

[4]. Phan Trung Hoài (2016), *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Đinh Văn Quế (1999), *Thủ tục giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đà Nẵng.

[7]. Nguyễn Ngọc Kiện (Chủ biên) (2015), *Tập bài giảng Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Huế, Huế.

[8]. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành về tố tụng hình sự hiện hành.

11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> -Tham gia trên lớp -Chuẩn bị bài -Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh.	5%
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Nội dung 1: Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự. - Nội dung 2: Khởi tố, điều tra, truy tố. - Nội dung 3: Xét xử, thi hành bản án.	- Bài kiểm tra viết - Bài tập - Thuyết trình báo cáo	35%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi viết hoặc vấn đáp	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13
Quan sát, điểm danh													X
Kiểm tra viết			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình báo cáo			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

PGS.TS. Hoàng Dương Hùng

Phùng Thị Loan

Dương Thị Hồng Thuận

